

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG

(Xuất dương lưu biệt) Phan Bội Châu

MB: Phan Bội Châu là nhà yêu nước và cách mạng, là nhà văn, nhà thơ lớn, khơi nguồn cho loại văn chương trữ tình chính trị. Ông để lại nhiều tác phẩm hay và đặc sắc, trong đó có **“Lưu biệt khi xuất dương”**. Năm 1905, trước lúc lên đường sang Nhật Bản, Phan Bội Châu đã làm bài thơ này để từ giã bạn bè, đồng chí. Bài thơ được viết bằng chữ Hán, theo thể thất ngôn bát cú Đường luật. Đây là bài thơ thể hiện tư thế, quyết tâm hăm hở và những ý nghĩ lớn lao, mới mẻ của Phan Bội Châu trong buổi ra đi tìm đường cứu nước.

TB: * Mở đầu bài thơ tác giả đã nêu lên quan niệm mới về chí làm trai :

“Làm trai phải lạ ở trên đời,
Há để càn khôn tự chuyển dời”.

Hai câu thơ **khẳng định một lẽ sống đẹp** : **“làm trai phải lạ”**, nghĩa là phải biết sống cho phi thường, hiên hách, phải dám mưu đồ những việc kinh thiên động địa, xoay chuyển càn khôn chứ không thể sống tầm thường, tẻ nhạt, buông xuôi theo số phận.

Cảm hứng và ý tưởng về chí làm trai của Phan Bội Châu có phần giống với lí tưởng nhân sinh của các nhà nho trước **nhưng táo bạo và quyết liệt hơn**. Con người **dám đối mặt với cả đất trời** (càn khôn), **cả vũ trụ** để tự khẳng định mình; **dám vượt hẳn lên trên giấc mộng công danh** gắn với hai chữ “hiếu, trung” để **vươn tới những lí tưởng xã hội rộng lớn và cao cả hơn nhiều**. Đó là **lí tưởng vì dân, vì nước**. Lí tưởng ấy đã tạo cho con người một tư thế mới, khỏe khoắn, ngang tàng, dám ngạo nghễ, thách thức với “càn khôn”.

*** Hai câu thực triển khai cụ thể ý tưởng về chí làm trai** đã nêu ra ở trên:

“Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở, há không ai?”

Chí làm trai gắn với ý thức về “cái tôi” nhưng **đây là một “cái tôi” công dân đầy tinh thần trách nhiệm trước thời cuộc**. “Trong khoảng trăm năm” là thời gian của một đời người, gắn với hoàn cảnh đất nước đang bị xâm lăng; “tớ” nghĩa là ta/tôi. **“Trong khoảng trăm năm cần có tớ”**, không phải để hưởng lạc thú mà là để cống hiến cho đời, để đáng mặt nam nhi, để lưu danh thiên cổ.

Câu thơ thứ ba khẳng định dứt khoát, đến câu thơ thứ tư tác giả chuyển giọng nghi vấn nhưng cũng nhằm để khẳng định khát vọng sống hiên hách, phát huy hết tài năng và chí khí để cống hiến cho đời. Giọng thơ **khuyến khích, giục giã** con người : Với một lẽ sống cao đẹp như thế, kẻ làm trai chắc chắn sẽ làm nên sự nghiệp và tên tuổi sẽ lưu truyền mãi mãi đến cả ngàn năm sau!

*** Hai câu luận gắn chí làm trai vào hoàn cảnh thực tế của nước nhà :**

“Non sông đã chết, sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài!”

Ở câu thơ thứ năm, Phan Bội Châu đã **nêu lên hiện tình** của đất nước. **Ý thức về lẽ nhục vinh được đặt ra**, gắn với sự tồn vong của dân tộc “Non sông đã chết, sống thêm nhục”. Cách nói của Phan Bội Châu rất rõ ràng, cảm động, gọi được hiện thực đau thương của đất nước, tạo sự day dứt cho những ai yêu nước thương nòi.

Đến câu thơ thứ sáu, ý tưởng của Phan Bội Châu đã vượt hẳn lên, mang **những sắc thái mới của tư tưởng thời đại**. Tác giả đã **dám đối mặt với cả nền học vấn cũ** để nhận thức một chân lí : “Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si” (Thánh hiền đã vắng thì có đọc sách cũng ngu thôi), **nghĩa là**, sách vở thánh hiền chẳng giúp ích được gì trong buổi nước mất nhà tan, nếu cứ khư khư ôm giữ chỉ là “ngu” mà thôi. Kẻ làm trai phải biết ra đi tìm đường cứu nước. Lời thơ thể hiện khí phách ngang tàng, táo bạo, quyết liệt và tấm lòng yêu nước nồng cháy của nhà cách mạng đi tiên phong cho thời đại mới.

*** Bài thơ kết lại trong tư thế và khát vọng lên** đường lãng mạn, hào hùng của nhân vật trữ tình :

“Muốn vượt bể Đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi”

Trong nguyên tác, hai câu bảy, tám tạo thành một tứ thơ đẹp. Con người “mong đuổi theo ngọn gió dài đi qua biển Đông”; cả vũ trụ bao la “Ngàn đợt sóng bạc cùng bay lên”. Hình ảnh thơ hết sức lớn lao: “bể Đông, cánh gió, muôn trùng, sóng bạc”. Tất cả tạo thành một bức tranh hoành tráng mà hài hòa. Ở đó, con người là trung tâm. Con người ra đi với tư thế hăm hở, tự tin, quyết tâm, sẵn sàng xả thân để tìm lại sự sống cho giang sơn đã mất. Hình tượng thơ thật đẹp và giàu chất sử thi, thấp sáng niềm tin cho một thời đại mới, một thế kỉ mới.

KB : Tóm lại, “Lưu biệt khi xuất dương” là bài thơ hay, thể hiện tài năng của nhà cách mạng Phan Bội Châu. Ngôn ngữ hào hùng, khoáng đạt. Giọng thơ tâm huyết có sức lay động mạnh mẽ. Hình ảnh kì vĩ sánh ngang tầm vũ trụ. Bài thơ thể hiện lí tưởng cứu nước cao cả, nhiệt huyết sục sôi, tư thế đẹp đẽ và khát vọng lên đường cháy bỏng của nhà chí sĩ cách mạng trong buổi ra đi tìm đường cứu nước.

Bài thơ là lời nhắn nhủ về một lẽ sống đẹp cho thanh niên trong thời đại ngày nay, giúp thanh niên chúng ta biết sống **có lí tưởng, có hoài bão, ước mơ và dám đương đầu với mọi thử thách** để thực hiện hoài bão, ước mơ của đời mình; biết đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác để bảo vệ lẽ phải, luôn có lòng yêu nước và tự hào về truyền thống cách mạng dân tộc; có thái độ quý trọng, biết ơn, noi gương thế hệ cha anh. Chúng ta hãy luôn tự nhắc nhở mình “Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta mà hãy hỏi rằng ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay”...

MB1: Ngay đến lúc sắp từ giã cõi đời Xuân Diệu vẫn thiết tha, sôi nổi với cuộc đời:

“Hãy để cho tôi được giã từ
Vẫy chào cõi thực để vào hư
Trong hơi thở chót dâng trời đất
Cũng vẫn si tình đến ngất ngư”
(Không đề)

Cũng chính vì vậy mà Xuân Diệu được mệnh danh là nhà thơ của tuổi trẻ, tình yêu. Tiếng thơ của ông mãi mãi ngân nga trong lòng những người yêu thơ. Ông để lại cho nền văn học dân tộc nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó có bài thơ “Vội vàng”. Đây là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám, được in trong tập “Thơ Thơ” (1938) - tập thơ đầu tay đưa Xuân Diệu lên vị trí “*Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*” (Hoài Thanh). **Bài thơ cho ta thấy lòng yêu đời mê say, cuồng nhiệt của Xuân Diệu** - một nghệ sĩ luôn khát khao giao cảm với đời. Đồng thời, qua bài thơ, tác giả đã bày tỏ những quan niệm mới mẻ về thời gian, tuổi trẻ và về lối sống vội vàng. **Một trong những đoạn thơ hay, thể hiện rõ giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm là mười ba câu thơ đầu. Đoạn thơ miêu tả vẻ đẹp quyến rũ của cảnh sắc thiên nhiên và bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết, đắm say của Xuân Diệu.**

MB2: Xuân Diệu là “*Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*” (Hoài Thanh), là nhà thơ của tình yêu, của mùa xuân và tuổi trẻ. Ông để lại cho nền văn học dân tộc nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó có bài thơ “Vội vàng”. Đây là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám, được in trong tập Thơ Thơ (1938). Bài thơ cho ta thấy lòng yêu đời mê say, cuồng nhiệt của Xuân Diệu. Đồng thời, qua bài thơ, tác giả đã bày tỏ những quan niệm mới mẻ về thời gian, tuổi trẻ và về lối sống vội vàng. Một trong những đoạn thơ hay, thể hiện rõ giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm là **mười ba câu thơ đầu. Đoạn thơ miêu tả vẻ đẹp quyến rũ của cảnh sắc thiên nhiên và bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết, đắm say của Xuân Diệu.**

TB : * Đoạn thơ mở ra bằng khát vọng táo bạo, mãnh liệt của Xuân Diệu :

“Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất ;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi”.

Những câu thơ ngũ ngôn ngắn gọn, điệp ngữ “tôi muốn”, động từ “tắt”, “buộc” được sử dụng tài tình, hình ảnh thơ ấn tượng... Tất cả thể hiện ước muốn táo bạo, mãnh liệt của tác giả: “muốn tắt nắng, buộc gió” để lưu giữ những hương sắc của cuộc đời, để bắt tử hóa cái đẹp. Đó là niềm ước muốn cao đẹp của một tâm hồn nghệ sĩ yêu đời thắm thiết.

*** Đến bảy câu tiếp theo, Xuân Diệu đã phát hiện và say sưa ngợi ca một thiên đường ngay trên mặt đất :**

“Của ong bướm này đây tuần tháng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi buổi sớm thần Vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”;

- Đó là một khu vườn mùa xuân trịnh nguyên, e ấp, lung linh hương sắc, rộn rã âm thanh. Cảnh vật hiện lên vừa gần gũi, thân quen, tươi đẹp, tràn đầy sức sống, niềm vui vừa tình tứ, quyến rũ : **Ong bướm** đang trong “tuần tháng mật”. **Hoa đồng nội** xanh rì, e ấp làm duyên. **Lá của cành tơ** phơ phất nõn nà, đầy sức sống. **Tiếng hót của chim yến anh** như một “khúc tình si” rạo rực lòng người. **“Ánh sáng chớp hàng mi”**, ánh sáng rực rỡ của cỏ cây, hoa lá khi được ánh nắng ban mai soi rọi, bừng sáng lên lấp lánh.... Có thể thấy, Xuân Diệu đã nhìn thiên nhiên qua lăng kính của tình yêu, qua đôi mắt của tuổi trẻ, của con người yêu cảnh đẹp. Vì thế mà thiên nhiên, cảnh vật đều nhuộm màu tình tứ, tràn ngập xuân tình, đem niềm vui đến cho mọi người: “Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa”.

Điệp từ “này đây”, biện pháp liệt kê, nhân hóa, ẩn dụ, so sánh được sử dụng tài tình, giọng điệu thơ say mê, nhịp điệu thơ gấp gáp, **vừa** chỉ sự phong phú, bất tận, sự quyến rũ của thiên nhiên tạo vật; **vừa** diễn tả sự trầm trồ, ngạc nhiên, niềm vui sướng, say mê, thích thú của Xuân Diệu.

- **Vẻ đẹp của thiên nhiên, sự sống quen thuộc được thi sĩ cảm nhận và diễn tả bằng hình ảnh độc đáo, sáng tạo:** “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”. Đây là một so sánh mới lạ, táo bạo, Xuân Diệu đã lấy vẻ đẹp của con người làm chuẩn mực để so sánh, làm nổi bật vẻ đẹp tình tứ, quyến rũ của thiên nhiên. **Qua đó, nhà thơ đã thể hiện một quan niệm mới về cuộc sống, tuổi trẻ và hạnh phúc.** Đối với Xuân Diệu, **thế giới này đẹp nhất** vì có con người giữa tuổi trẻ và tình yêu. **Thời gian quý giá nhất của đời người** là tuổi trẻ. Biết tận hưởng chính đáng những gì mà cuộc sống dành cho mình, hãy sống mãnh liệt, sống hết mình, nhất là những tháng năm tuổi trẻ. Đó là quan niệm mới, tích cực, thấm đượm tinh thần nhân văn sâu sắc. Từ **“ngon”** được sử dụng rất đắt, có sự tương giao cảm giác, cho thấy lòng yêu đời vô vấp, đắm say của Xuân Diệu.

*** Hai câu cuối là tâm trạng vừa sung sướng, vừa vội vàng của thi sĩ :**

Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa,
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.

Câu thơ “*Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa*” được ngắt làm đôi bởi dấu chấm giữa dòng thơ, bộc lộ hai tâm trạng trái ngược trong hồn thơ Xuân Diệu: một Xuân Diệu yêu đời, sung sướng trước vẻ đẹp mà cuộc đời ban tặng và một Xuân Diệu vội vàng, lo sợ thời gian trôi qua. Vì thế, nhà thơ đã nhớ mùa xuân ngay lúc mùa xuân đang rực rỡ, tươi đẹp nhất “Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân”. Lời thơ cho thấy lòng yêu đời, yêu mùa xuân, tuổi trẻ thiết tha của Xuân Diệu.

KB: Tóm lại, đây là đoạn thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Diệu. Thể thơ tự do, sử dụng nhiều điệp ngữ, điệp từ, so sánh, ẩn dụ... **Hình ảnh, lời thơ** mới lạ, táo bạo, bất ngờ. **Giọng điệu** sôi nổi, say mê, ...

Đoạn thơ miêu tả bức tranh mùa xuân sống động, gợi cảm; qua đó Xuân Diệu đã gửi gắm niềm khát khao sống mãnh liệt, sống hết mình và những quan niệm về thời gian, về tuổi trẻ và hạnh phúc: Đối với Xuân Diệu, cuộc sống trần thế đẹp như một thiên đường, rất đáng yêu, đáng sống; trong khi đó thời gian tuyến tính, cuộc đời ngắn ngủi, tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại, thế nên hãy sống vội vàng, sống mãnh liệt, quý trọng từng giây từng phút của cuộc đời, nhất là những tháng năm tuổi trẻ.

Đoạn thơ, bài thơ giúp chúng ta biết trân trọng thời gian, tuổi trẻ, trân trọng những giá trị tốt đẹp của cuộc sống để biết sống có ích, sống có ý nghĩa, không hoài phí thời gian, tuổi trẻ....

Đề : Cảm nhận của anh (chị) về khổ thơ sau:

“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà.”

(Trích Tràng giang- Huy Cận)

Mở bài : Huy Cận (1919-2005) là **một trong những đại biểu xuất sắc của phong trào Thơ Mới** với **hồn thơ ảo não, thấm đẫm nỗi buồn**. Thơ Huy Cận hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí. Ông để lại cho đời nhiều tác phẩm tiêu biểu, trong đó có bài thơ Tràng Giang. **Một trong những khổ thơ hay, thể hiện rõ nhất tư tưởng, cảm xúc của cả bài thơ là khổ thơ sau đây:**

“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà”.

Có thể nói, Tràng Giang là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám. Theo Huy Cận, bài thơ được viết vào mùa thu năm 1939, in trong tập Lửa Thiêng và được gợi cảm xúc từ cảnh sông Hồng mênh mông sóng nước. Bài thơ gồm bốn khổ, khắc hoạ bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hùng vĩ, đẹp mà buồn. Qua đó, tác giả đã bộc lộ nỗi sầu cô đơn của mình trước vũ trụ rộng lớn, thể hiện niềm khát khao được hoà nhập với cuộc đời và gửi gắm tình yêu quê hương, đất nước da diết, mãnh liệt. Khổ thơ trên là khổ cuối của bài. **Khổ thơ miêu tả cảnh thiên nhiên hùng vĩ, nên thơ, đồng thời bộc lộ tâm trạng nhớ quê hương da diết của Huy Cận trước cảnh tràng giang lúc chiều về.**

TB : * Hai câu đầu vẽ lên bức tranh phong cảnh hùng vĩ, nên thơ:

“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa”.

- Huy Cận đã mượn một số cách diễn đạt của thơ Đường nhưng vẫn giữ được nét riêng của thơ mới và nét độc đáo trong hồn thơ của ông:

+ Thiên nhiên ở đây tuy buồn nhưng thật tráng lệ: mùa thu, những đám mây trắng “đùn” lên ở phía chân trời, trùng điệp như những hòn núi bạc. Tác giả rất tâm đắc với từ “đùn” vì nó mang âm hưởng Đường thi, gợi được ý thơ của Đỗ Phủ trong bài “Cảm xúc mùa thu”: “*Lưng trời sóng rợn lòng sông thẳm. Mặt đất mây đùn cửa ải xa*”. Trong thơ Huy Cận, mây trắng hết lớp này đến lớp khác “đùn” ra và kết lại như những dãy núi trắng bạc trùng điệp. Ánh dương buổi chiều phản chiếu vào những lớp mây đó, làm cho nó thêm lấp lánh, hùng vĩ, tráng lệ hơn và cũng thêm phần lạnh lẽo hơn. Hình ảnh “mây cao đùn núi bạc” tạo ấn tượng về một không gian hùng vĩ, nên thơ.

+ Giữa cảnh mây trời, sông nước bao la, rộng lớn bỗng xuất hiện một cánh chim nhỏ bé bay nghiêng báo hiệu chiều đang xuống. Hình ảnh cánh chim chiều vừa ẩn dụ cho cái tôi cô đơn của nhà thơ vừa gợi nỗi buồn xa vắng như thơ xưa từng thể hiện: “*Chim bay về núi, tối rồi*” (Ca dao), “*Chim hôm thoi thót về rừng*” (Nguyễn Du), “*Chim bầy bay vút hết. Mây lẻ đi một mình*” (Lí Bạch).... Nghệ thuật đối được sử dụng hiệu quả: Đối lập giữa hình ảnh bầu trời, dòng sông rộng lớn, mênh mông với hình ảnh cánh chim nhỏ bé, đơn côi. Phải chăng, chính điều này càng làm cho cảnh trở nên thoáng hơn, hùng vĩ hơn và càng buồn hơn? Cảnh được nhìn theo quy luật tâm lí “*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*” (Nguyễn Du).

*** Đến hai câu cuối, tác giả trực tiếp bộc lộ nỗi nhớ nhà, nhớ quê của mình :**

“Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khỏi hoàng hôn cũng nhớ nhà”.

- **Hai câu thơ** gợi nhớ đến ý thơ của Thôi Hiệu trong bài Lầu Hoàng Hạc:

“Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu”

(*Quê hương khuất bóng hoàng hôn*
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai)

(Tản Đà dịch)

Tuy nhiên, cùng nói về “khói hoàng hôn”, cùng bộc lộ nỗi nhớ nhà, nhớ quê, nhưng cảm xúc của hai nhà thơ vẫn có sự khác biệt. **Khi xưa**, đứng trước cảnh tràng giang trong buổi hoàng hôn, nhìn thấy khói sóng trên sông, Thôi Hiệu đã buồn bã chạnh lòng, nhớ nhà, nhớ quê hương. **Ngày nay, Huy Cận chẳng cần “khói hoàng hôn”**, trong lòng ông vẫn “dọn dọn” nỗi nhớ nhà, nhớ quê. **Từ láy “dọn dọn”** diễn tả nỗi buồn đang dâng lên thành cảm xúc, cảm giác rất cụ thể. **Lời thơ cho thấy nỗi buồn của Huy Cận xuất phát từ cõi lòng nhớ quê hương da diết, sâu nặng** chứ không phải là do tác động của cảnh vật. **Nỗi buồn, nỗi nhớ quê của Huy Cận vì thế thường trực hơn, cháy bỏng hơn và cũng hiện đại hơn.** *Chính Huy Cận cũng tâm sự, “Lúc đó (1939), tôi buồn hơn Thôi Hiệu đời Đường”*

Kết bài:

Tóm lại, khổ thơ **có sự kết hợp hài hoà giữa hai hệ thống hình ảnh cổ điển và hiện đại.** **Nghệ thuật đối** được sử dụng hiệu quả, **bút pháp tả cảnh** giàu chất tạo hình. **Hệ thống từ ngữ**, đặc biệt là **các từ láy** mang giá trị gợi hình và biểu cảm cao...

Qua khổ thơ nói riêng, bài thơ nói chung ta thấy được bức tranh thiên nhiên tràng giang rộng lớn, hùng vĩ, nên thơ, đẹp mà buồn; đồng thời thấy được nỗi sầu cô đơn trước vũ trụ rộng lớn, niềm khát khao được hoà nhập với cuộc đời và tình yêu quê hương, đất nước da diết, mãnh liệt của tác giả.

Đọc khổ thơ, bài thơ, ta càng thấm thía hơn lời nhận xét của nhà thơ Xuân Diệu “*Tràng Giang là bài thơ ca hát non sông đất nước. Do đó, dọn đường cho lòng yêu giang sơn Tổ Quốc*”.

Đề: Phân tích khổ một trong bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” của Hàn Mặc Tử.

MB: - Hàn Mặc Tử là người có cảnh ngộ bất hạnh, là một trong những nhà thơ có sức sáng tạo mạnh mẽ nhất trong phong trào Thơ mới, “là ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam” (Chế Lan Viên). Ông đã để lại cho đời nhiều bài thơ đặc sắc, trong số đó phải kể đến “Đây thôn Vĩ Dạ”. Một trong những khổ thơ thường được xem là hay nhất của bài thơ là khổ thơ sau:

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”.

- Có thể nói, “Đây thôn Vĩ Dạ” là bức tranh đẹp về một miền quê đất nước, là tiếng lòng của một thi sĩ tha thiết yêu đời, yêu người. Bài thơ được viết năm 1938, in trong tập “Thơ Điên” (sau đổi thành “Đau Thương”), được khơi nguồn cảm hứng từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với cô gái tên Hoàng Thị Kim Cúc, quê ở Vĩ Dạ - một thôn nhỏ bên dòng sông Hương nơi xứ Huế thơ mộng trữ tình.

- Bài thơ gồm ba khổ. Khổ thơ trên thuộc phần đầu. Khổ thơ tái hiện vẻ đẹp xinh xắn, hài hòa, nên thơ của thôn Vĩ trong khoảnh khắc hừng đông. Đằng sau bức tranh phong cảnh là tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu con người tha thiết, là niềm băn khoăn day dứt, là khát khao được đến với thôn Vĩ của nhà thơ.

TB : - Mở đầu khổ thơ là câu hỏi tu từ “Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”. Đây là câu hỏi mang nhiều sắc thái biểu cảm. Đó có thể là lời trách móc nhẹ nhàng, lời mời gọi tha thiết của cô gái thôn Vĩ. Đó cũng có thể là lời tự trách, tự hỏi, là ước ao thầm kín được trở về thăm thôn Vĩ của nhà thơ. Ở đây, tác giả không dùng hai chữ “về thăm” mà dùng hai chữ “về chơi” mang sắc thái thân mật, tự nhiên, chân tình hơn. Thực ra câu hỏi vọng lên từ phương trời xa xôi ấy là cái cớ để tác giả khơi dậy bao kỉ niệm sâu sắc, bao hình ảnh đẹp đẽ, đáng yêu về xứ Huế, mà trước hết là về Vĩ Dạ, nơi có người mà ông luôn thương nhớ.

-Vì vậy mà ở ba câu thơ sau, cảnh thôn Vĩ trong buổi bình minh đã hiện lên thật hữu tình:

“Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.”

+ Câu thơ “Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên” như phác qua cái nhìn từ xa tới, chưa đến Vĩ Dạ nhưng đã thấy hàng cau thẳng tắp, cao vút, lấp lánh dưới ánh nắng ban mai. Đây là một quan sát rất tinh tế của tác giả: cái đẹp của thôn Vĩ không phải là do “nắng”, hay “hàng cau” mà là do “nắng hàng cau”, sự hài hoà của ánh nắng vàng rực rỡ trên hàng cau tươi xanh. Đặc biệt, câu thơ bảy chữ mà đã có tới hai chữ “nắng”, dường như Hàn Mặc Tử đã gợi đúng đặc điểm của nắng miền Trung: nắng nhiều và nắng chói chang, rực rỡ ngay từ lúc bình minh. Không những thế, tác giả còn gợi được vẻ đẹp của nắng nơi đây, đó là “nắng mới lên” thật trong trẻo, tinh khiết, có cảm giác ánh nắng ấy đã làm bừng sáng cả khoảng trời hồi tưởng của nhà thơ.

+ Câu thơ “Vườn ai mướt quá xanh như ngọc” lại là cái nhìn thật gần của người như đang đi trong những khu vườn tươi đẹp của thôn Vĩ. Chỉ với một chữ “mướt”, Hàn Mặc Tử đã gợi được vẻ tươi tốt, đầy sức sống của vườn cây dưới ánh nắng mặt trời. Ý thơ “Vườn ai mướt quá” như lời cảm thán mang sắc thái ngợi ca. Thêm vào đó, “xanh như ngọc” là một so sánh tuyệt đẹp, gợi hình ảnh những tán lá cây xanh mướt, mướt mà được “nắng mới lên” chiếu xuyên qua, tạo nên màu xanh trong suốt và ánh lên như ngọc. Có thể nói, phải có tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với cuộc sống; có ân tình thật sâu sắc, đậm đà với thôn Vĩ nhà thơ mới lưu giữ được trong tâm trí mình nhiều hình ảnh sống động và đẹp đẽ đến thế!

+ Sự xuất hiện của con người ở câu thơ “Lá trúc che ngang mặt chữ điền” càng làm cho cảnh vật trở nên sinh động hơn, có lẽ đó là chủ nhân của “vườn ai”. Con người xuất hiện thật kín đáo, đúng với bản tính của người xứ Huế. Vì thế chỉ thấy thấp thoáng sau lá trúc che ngang là

khuôn “mặt chữ điền”, khuôn mặt của những người cương trực, ngay thẳng, phúc hậu theo quan niệm của người xưa. **Với câu thơ này, nhà thơ càng gọi rõ hơn cái thần thái của thôn Vĩ : cảnh xinh xắn, người phúc hậu, thiên nhiên và con người hài hoà với nhau trong một vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng**

KB: - Tóm lại, khổ thơ có sự kết hợp giữa bút pháp tả thực, tượng trưng và lãng mạn, trữ tình. Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, sử dụng câu hỏi tu từ khéo léo; hình ảnh sáng tạo,...

Khổ thơ khắc họa vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ. Thiên nhiên tươi tắn, con người phúc hậu, hiền hòa. Qua khổ thơ ta thấy được tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu con người tha thiết, là niềm băn khoăn day dứt, là khát khao được đến với thôn Vĩ của nhà thơ.

- *“Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc”. Quả đúng như vậy! Những câu, những chữ trong khổ thơ trên và cả bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” đã làm sống dậy trong tâm trí người đọc một nỗi niềm, một tình cảm yêu thương da diết đối với nhà thơ, với đất và người xứ Huế, với quê hương Việt Nam thân yêu...*

Phân tích bài thơ “Chiều tối” (Mộ) - Hồ Chí Minh

MB : - Hồ Chí Minh (1890 - 1969), vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc ta. Bác không chỉ là một nhà cách mạng vĩ đại mà còn là một nhà văn, nhà thơ tài ba. Người đã để lại một số lượng tác phẩm đồ sộ với những thể loại phong phú như : văn chính luận, truyện và kí, thơ ca,... “Ngục trung nhật kí” (Nhật kí trong tù) là một trong những tác phẩm thơ tiêu biểu của Người.

- “Chiều tối” (Mộ) là bài thứ 31 của tập “Nhật kí trong tù”. Cảm hứng của bài thơ được gợi lên trên đường chuyển lao của Hồ Chí Minh từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo vào **cuối thu năm 1942**. Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của cảnh thiên nhiên chiều tối và vẻ đẹp cuộc sống sinh hoạt của con người. **Qua đó, người đọc thấy rất rõ vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách của một nhà thơ - chiến sĩ: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; phong thái ung dung, tự tại và bản lĩnh kiên cường vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt tối tăm.**

TB : * Bài thơ mở ra bằng bức tranh thiên nhiên cảnh chiều tối:

“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ

Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không”

(Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ

Cô vân mạn mạn độ thiên không)

- **Bức tranh thiên nhiên được vẽ lên bằng bút pháp chấm phá ước lệ, cổ điển:** trên bầu trời cánh chim đang bay về rừng tìm chốn ngủ, chòm mây lẻ đang chậm chậm trôi qua lưng trời. **Hình ảnh thơ hàm súc, gợi thời gian chiều tối; gợi không gian rừng núi âm u, hoang vắng; gợi hoàn cảnh khắc nghiệt của người tù:** trước mặt là đêm, là rừng núi âm u, là nhà tù tăm tối, là nơi đất khách quê người, lại trong cảnh mất tự do. Hoàn cảnh ấy dễ làm cho con người ta chán nản, mệt mỏi bởi con chim còn có tổ có tông, còn con người lại không chốn nương thân, không biết đến bao giờ mới được tự do như cánh chim và chòm mây trên bầu trời kia!

-**Thế nhưng Hồ Chí Minh đã vượt lên cảnh ngộ của mình bằng tâm hồn nhân ái, yêu thiên nhiên, sự sống và bằng ý chí nghị lực kiên cường.**

+**Người hướng về thiên nhiên, dõi theo từng biểu hiện của tạo vật** để sẻ chia, hòa cảm với một cánh chim mỏi, một chòm mây lẻ loi, để thấy được đó là cánh chim đang bay về rừng tìm chốn ngủ, về nơi trú ngụ bình yên; còn đám mây đang bay thông thả để tìm về nơi hội tụ chứ không phải là mây cuồn cuộn bão giông. Vì thế “cánh chim và chòm mây” hiện lên thật sinh động, hiền hòa; *khác với thơ xưa, đó là những hình ảnh gợi buồn: “Chim bay về núi tối rồi” (Ca dao), “Chim hôm thoi thót về rừng” (Nguyễn Du), “Chim bầy bay vút hết - Mây lẻ đi một mình” (Lí Bạch)...*

+**Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, cảm hứng thơ vẫn đến với Hồ Chí Minh một cách tự nhiên.** Đọc hai câu thơ ta không hề thấy hình ảnh người tù mà thấy rất rõ hình ảnh của một bậc hiền triết phương Đông đang ung dung tự tại hòa mình vào mây trời. Đó chính là **sự hòa hợp giữa thép và tình**, giữa tâm hồn lãng mạn, nhân ái của thi nhân và bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ Cộng Sản.

=>Hai câu thơ vẽ nên một khung cảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp cổ điển nhưng bình dị, gần gũi. Cảnh chiều hôm trong thơ Bác tuy buồn nhưng vẫn toát lên cái vẻ yên ả, thanh bình của cuộc sống đời thường. Thiên nhiên như có hồn, có tâm trạng. Con người hòa hợp với thiên nhiên. Đó là con người bình thường mà vĩ đại.

*** Hai câu sau là bức tranh cuộc sống con người nơi xóm núi :**

“Cô em xóm núi xay ngô tối

Xay hết lò than đã rực hồng”

(Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc

Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng)

- Nếu hình ảnh cánh chim, chòm mây ở hai câu đầu được vẽ nên bằng bút pháp chấm phá ước lệ, cổ điển thì **hình ảnh người phụ nữ lao động ở đây được gọi tả một cách cụ thể, sinh động như bức tranh hiện thực**. Chính nét vẽ đời thường ấy càng làm cho bài thơ thêm đáng về hiện đại.

- Hai câu thơ gợi nhớ đến những câu thơ vịnh cảnh chiều hôm trong bài thơ “Qua đèo ngang” của Bà Huyện Thanh Quan:

*“Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà”*

Nhưng ở đó có con người mà thiếu vắng sự sống; hơn nữa, hình ảnh con người chỉ làm tăng thêm vẻ hoang sơ, hùng vĩ của thiên nhiên đất trời. **Còn trong thơ Bác, hình ảnh “thiếu nữ xóm núi xay ngô”** làm toát lên vẻ trẻ trung, khỏe khoắn, sống động; làm cho cuộc sống lao động bình dị nơi xóm núi hoang vắng, âm u càng trở nên đáng quý, đáng trân trọng! Hình ảnh đó đem lại cho người đi đường hơi ấm của sự sống, của niềm vui và hạnh phúc.

- **Thủ pháp điệp vòng** ở cuối câu ba và đầu câu bốn “ma bao túc- bao túc ma hoàn” đã tạo nên sự nối âm liên hoàn, nhịp nhàng như diễn tả vòng quay đều, không dứt của động tác xay ngô; qua đó **làm nổi bật sự kiên trì, cần mẫn, chăm chỉ của người lao động. Đồng thời thủ pháp điệp vòng đã diễn tả được nhịp điệu trôi chảy của thời gian:** thời gian trôi theo “cánh chim, chòm mây”, theo vòng quay của cối xay ngô và khi cối xay dừng lại thì lò than đã rực hồng, tức là trời đã tối. Như vậy, bếp lửa của cô gái đã hồng lên, nghĩa là buổi chiều êm ả, âm u đã chuyển sang một đêm tối ấm áp, bập bùng ánh lửa hồng. **Chữ “hồng” là nhãn tự của bài thơ**, như xua tan sự lạnh lẽo của bóng đêm, đem lại niềm vui, niềm lạc quan và tiếp thêm sức mạnh cho người tù trong hoàn cảnh khắc nghiệt, tối tăm.

=> Có thể thấy hình ảnh thiếu nữ xóm núi xay ngô, hạt ngô vừa xay xong và lò than rực hồng gợi nhớ công việc, sự nghỉ ngơi và sum họp, gợi nỗi nhớ gia đình, nhớ quê hương của Hồ Chí Minh nơi đất khách quê người. **Thế nhưng**, tâm hồn của nhà cách mạng vĩ đại đã vượt lên cảnh ngộ của mình để hướng về cuộc sống của người lao động nghèo. Người trân trọng, nâng niu cuộc sống ấy với cái nhìn nhân đạo, lạc quan và tấm lòng yêu cuộc sống, yêu nhân dân. Đó là cái nhìn của một con người suốt cuộc đời “Nâng niu tất cả chỉ quên mình” (Tố Hữu)

KB : : - Tóm lại, “Chiều tối” là bài thơ tứ tuyệt Đường luật mang vẻ đẹp cổ điển và hiện đại. Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, được sử dụng rất linh hoạt và sáng tạo. **Thủ pháp đối lập, điệp vòng** (điệp liên hoàn) được sử dụng hiệu quả ở câu ba và câu 4. **Chữ “hồng”** được coi là “ nhãn tự” của bài thơ...

- **“Chiều tối” bộc lộ vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách nghệ sĩ** – chiến sĩ Hồ Chí Minh: yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống; kiên cường vượt lên hoàn cảnh; luôn ung dung tự tại và lạc quan trong mọi cảnh ngộ đời sống. *Đọc bài thơ ta càng thấm thía lời nhận xét của nhà thơ Hoàng Trung Thông:*

*“Văn thơ của Bác văn thơ thép
Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình”*

Phân tích khổ một - bài thơ Từ ấy của Tố Hữu

MB1: Trong “Bài ca mùa xuân 1961”, Tố Hữu viết:

“Trái tim anh chia ba phần tươi đỏ
Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều
Phần cho thơ và phần để em yêu”...

Tố Hữu là thế! Ông luôn nồng nàn, thiết tha trong những vần thơ về Đảng. Tố Hữu đã dành trọn cuộc đời và sự nghiệp thơ ca cho cách mạng, cho quê hương đất nước. Vì lẽ đó mà Tố Hữu được đánh giá là “lá cờ đầu của thơ ca cách mạng” Việt Nam. Thơ ông mang tính trữ tình – chính trị và tính dân tộc đậm đà. Các chặng đường thơ của Tố Hữu luôn gắn bó với các chặng đường cách mạng của dân tộc. Ông đã để lại cho đời nhiều bài thơ hay, trong đó có “Từ ấy”. Đây là bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật mà tiêu biểu là khổ thơ sau đây:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

Tháng 7/1938, Tố Hữu được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Để ghi nhận kỉ niệm đáng nhớ ấy với những cảm xúc và suy tư sâu lắng, ông đã viết “Từ ấy”. Bài thơ nằm trong phần “Máu lửa” của tập thơ “Từ ấy”. Bài thơ gồm ba khổ, bộc lộ niềm vui lớn, lẽ sống lớn, tình cảm lớn của Tố Hữu trong buổi đầu bắt gặp lí tưởng cách mạng. Khổ trên thuộc phần đầu của bài thơ. **Khổ thơ diễn tả niềm vui sướng, say mê của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản.**

MB2: Tố Hữu được đánh giá là “lá cờ đầu của thơ ca cách mạng” Việt Nam hiện đại. Thơ ông mang tính trữ tình – chính trị và tính dân tộc đậm đà. Các chặng đường thơ của ông luôn gắn bó với các chặng đường cách mạng của dân tộc. Ông đã để lại cho đời nhiều bài thơ hay, trong đó có “Từ ấy”. Đây là bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật mà tiêu biểu là khổ thơ sau đây:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

Tháng 7/1938, Tố Hữu được kết nạp vào Đảng Cộng sản. Để ghi nhận kỉ niệm đáng nhớ ấy với những cảm xúc và suy tư sâu lắng, ông đã viết “Từ ấy”. Bài thơ nằm trong phần “Máu lửa” của tập thơ “Từ ấy”. Bài thơ gồm ba khổ, bộc lộ niềm vui lớn, lẽ sống lớn, tình cảm lớn của Tố Hữu trong buổi đầu bắt gặp lí tưởng cách mạng. Khổ trên thuộc phần đầu của bài thơ. **Khổ thơ diễn tả niềm vui sướng, say mê của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cộng sản.**

TB. - Mở đầu khổ thơ là những câu thơ đầy hào hứng, say mê:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim”

+ **Hai câu thơ này được viết theo bút pháp tự sự.** Tố Hữu đã kể lại một kỉ niệm không thể nào quên trong cuộc đời cách mạng và đời thơ của ông: ông được giác ngộ lí tưởng cộng sản và được kết nạp vào hàng ngũ Đảng Cộng Sản.

+ **Bằng những hình ảnh ẩn dụ “nắng hạ”, “mặt trời chân lí, chói qua tim”, Tố Hữu khẳng định lí tưởng Cách Mạng như một nguồn ánh sáng mới làm bừng sáng tâm hồn nhà thơ.** Nguồn sáng ấy không phải là ánh nắng thu vàng nhẹ hay ánh xuân dịu dàng, mà là ánh sáng rực rỡ của một ngày “nắng hạ”. Hơn nữa, nguồn sáng ấy còn là mặt trời, và là mặt trời khác thường “mặt trời chân lí”. Lời thơ khẳng định: nếu mặt trời của đời thường toả ánh sáng, hơi ấm và sức sống cho vạn vật thì Đảng chính là nguồn ánh sáng kì diệu toả chiếu những tư tưởng đúng đắn, hợp lẽ phải,

báo hiệu những điều tốt lành cho cuộc sống. **Cách gọi lí tưởng như vậy** thể hiện thái độ thành kính, biết ơn của nhà thơ đối với Đảng.

+ **Thêm vào đó, những động từ** “bùng” (chỉ ánh sáng phát ra đột ngột), “chói” (chỉ ánh sáng có sức xuyên mạnh) được sử dụng rất phù hợp, càng nhấn mạnh: ánh sáng của lí tưởng đã hoàn toàn xua tan màn đêm tăm tối, chấm dứt những ngày tháng “không đổi nhưng mà trôi cứ trôi” của người thanh niên trí thức tiểu tư sản.

* Ở hai câu sau, với bút pháp trữ tình lãng mạn cùng với những hình ảnh so sánh, liên tưởng, Tố Hữu đã diễn tả cụ thể, sinh động niềm vui sướng vô hạn của mình trong buổi đầu đến với lí tưởng cộng sản:

“ Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

+ Hai câu thơ tái hiện một thế giới tràn đầy sức sống với hương sắc của các loài hoa, vẻ tươi xanh của cây lá, âm thanh rộn rã của tiếng chim ca hót. Điều đó cho thấy, Tố Hữu đã sung sướng đón nhận lí tưởng cộng sản như cỏ cây hoa lá đón ánh sáng mặt trời. Và, chính lí tưởng cộng sản đã làm cho tâm hồn nhà thơ tràn đầy sức sống và niềm yêu đời, làm cho cuộc sống của ông có ý nghĩa hơn. Đảng đã cho cái tôi ấy “sáng mắt, sáng lòng”, đã thổi bùng lên niềm vui sống, say mê trong lòng người thanh niên trẻ tuổi, đã khai sáng cho hồn thơ để hồn thơ ấy cất lên bằng một âm điệu chung: âm điệu ca hát lí tưởng cách mạng.

- Đặt khổ thơ vào trước thời điểm “Từ ấy” ta mới thấy niềm vui của nhà thơ quả thực lớn lao như thế nào. Sinh ra trong buổi nước mất nhà tan “ Năm hai mươi của thế kỉ hai mươi. Tôi sinh ra nhưng chưa được làm người. Nước đã mất, cha làm nô lệ. Ôi những ngày mưa xứ Huế. Mưa sao buồn vậy quê hương ơi. Ngẩng đầu lên sao không thấy mặt trời. Đất lại láng những là nước mắt...” (Một nhành xuân), Tố Hữu thiết tha “Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời – Vẩn vơ theo mãi vòng quanh quẩn - Muốn thoát than ôi bước chẳng rời” (Nhớ Đồng). Trong thời điểm ấy, nhà thơ đã bắt gặp được ánh sáng lí tưởng “Mặt trời chân lí chói qua tim”. Bao băn khoăn, vẩn vơ, bế tắc phút chốc đã được thăng hoa! Sau này trong những dòng hồi tưởng khác Tố Hữu vẫn thấy bồi hồi, cảm ơn cuộc đời cho mình phút giây “Từ ấy”: “Tôi đã khô như cây sậy bên đường - Đâu dám ước làm hoa thơm trái ngọt. Tôi đã chết, lặng im, như con chim không bao giờ được hót - Một tiếng ca lạnh lốt cho đời - Nếu chậm mùa xuân ấy, em ơi” (Một nhành xuân).

KB: - Tóm lại, khổ thơ trên cũng như bài thơ “Từ ấy” đã thể hiện rõ tài năng và đặc điểm thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu. Bút pháp tự sự hòa quyện bút pháp trữ tình lãng mạn. Hình ảnh thơ tươi sáng. Biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, liên tưởng được nhà thơ sử dụng tài hoa. Ngôn ngữ giàu nhạc điệu...

- Bốn câu thơ giúp ta thấy được tâm trạng vui sướng, say mê và niềm biết ơn chân thành của nhà thơ với Đảng. Hơn thế nữa, những câu những chữ trong khổ thơ và bài thơ còn làm bùng sáng tâm hồn ta, mở ra trong tâm hồn ta một chân trời mới của nhận thức và tình cảm, giúp ta nhìn nhận rõ hơn lí tưởng sống của đời mình, biết tự hào, tin yêu đối với Đảng, với cuộc sống thân yêu...

- Tố Hữu đã quan niệm: “Thơ là chuyện đồng điệu...Thơ là tiếng nói đồng chí, đồng ý, đồng tình”. Quả thật như vậy, đọc thơ Tố Hữu tâm hồn người đọc lại bắt đầu ngân nga điệu hát: “Đảng đã cho ta một mùa xuân đầy ước vọng, một mùa xuân tươi tràn ánh sáng khắp nơi nơi....Tiến theo cờ Đảng là thấy tương lai sáng tươi...